

Bản án số: 104/2023/HS-ST

Ngày: 21 – 7 – 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Anh Tuấn.

2/ Ông Phan Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Khuê – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 60/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2023/QĐXXST-HS ngày 22/6/2023, đối với các bị cáo:

1/ Huỳnh Công N (tên gọi khác: Bình Kẽm), sinh năm: 1988, tại: Tiền Giang; nơi cư trú: (Hộ khẩu thường trú: Ấp GK, xã PT, huyện TPĐ, tỉnh TG; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn P1 (còn gọi là Huỳnh Công P2, Huỳnh Công P3) và bà Nguyễn Thị C1 (còn gọi là Nguyễn Thị C2, Nguyễn Thị C3); có vợ và 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2007/HSST ngày 03/01/2007, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 12/8/2014.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 119/2015/HSST ngày 26/6/2015, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 21/01/2017.

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0019554/QĐ-XPHC ngày 13/02/2017, Công an xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt vi

phạm hành chính về hành vi đánh nhau và say rượu, bia, gây mất trật tự công cộng, với số tiền là 1.500.000 đồng; đến ngày 23/02/2017 đã chấp hành xong.

- Tại Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 27/02/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định đưa người nghiện ma túy vào Cơ sở xã hội Thanh Thiếu Niên 2 để quản lý cắt cơn, giải độc, tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngày 06/3/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 07/QĐ-UBND hủy Quyết định nêu trên, do Huỳnh Công N có nơi cư trú.

- Tại Quyết định số 812/QĐ-UBND ngày 19/5/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định đưa người nghiện ma túy vào Cơ sở xã hội Thanh Thiếu Niên 2 để quản lý cắt cơn, giải độc, phục hồi sức khỏe và tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngày 17/6/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 1038/QĐ-UBND hủy Quyết định nêu trên, do Huỳnh Công N có nơi cư trú.

- Tại Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 19/12/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định đưa người nghiện ma túy vào Cơ sở xã hội Thanh Thiếu Niên 2 để quản lý cắt cơn, giải độc, tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngày 19/3/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 106/QĐ-UBND hủy Quyết định nêu trên, do Công an địa phương không trả lời xác minh nơi cư trú.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/9/2022 đến nay. (Có mặt).

2/ Trần Thái S, sinh năm: 1984, tại: Tiền Giang; nơi cư trú: (Hộ khẩu thường trú: Ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh TG; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị C4; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 387/2014/HSST ngày 18/12/2014, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 09/9/2015.

- Tại Quyết định số 546/QĐ-TA ngày 03/11/2016, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 21 tháng; đến ngày 28/5/2018 chấp hành xong.

- Tại Quyết định số 37/QĐ-TA ngày 01/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng; đến ngày 21/11/2020 chấp hành xong.

- Tại Quyết định số 3745/QĐ-UBND ngày 18/12/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định đưa người nghiện ma túy vào Cơ sở xã hội Thanh Thiếu Niên 2 để quản lý cắt cơn, giải độc, tư vấn tâm lý trong thời gian

làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngày 18/3/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 105/QĐ-UBND hủy Quyết định nêu trên, do Công an địa phương không trả lời xác minh nơi cư trú của Trần Thái S.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/9/2022 đến nay. (Có mặt).

Bị hại:

1. Ông: Mai Nguyễn Thanh P4, sinh năm: 1987; nơi cư trú: Số 112/25 BMT, Phường N, Quận T, Thành phố HCM. (Vắng mặt).

2. Chị: Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm: 1994; nơi cư trú: Số 100/33E PP, Phường MH, Quận T, Thành phố HCM. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Công N và Trần Thái S có mối quan hệ bạn bè quen biết nhau từ trước, ngày 27/4/2022 và ngày 27/5/2022, N và S đã cùng nhau thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn Quận 8 như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 01 giờ 00 phút, ngày 27/4/2022, N gọi điện thoại rủ S cùng đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài thì S đồng ý. Khoảng 10 phút sau, N điều khiển xe gắn máy (không rõ biển số, xe do N mượn của người quen và đã trả lại xe sau khi thực hiện xong việc lấy trộm tài sản) đến nhà S (địa chỉ: nhà không số khu C4, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh). Sau đó, S điều khiển xe gắn máy Sirius, biển số: 63B3-758.43 của S chở N đi lòng vòng trên nhiều tuyến đường thuộc địa bàn Quận 8 tìm tài sản sơ hở lấy trộm. Khi đi vào hẻm 112 BMT, Phường N, Quận T thì N phát hiện cửa phòng tầng 1 nhà số 112/25 BMT, Phường N, Quận T đang mở, nên báo cho S biết rồi kêu S quay xe lại dừng trước căn nhà trên. Khi cả hai đến trước căn nhà nêu trên, N xuống xe kêu S đi tìm nơi khác để canh gác và đợi N, khi nào lấy được tài sản N sẽ gọi điện thoại để S đến chở N tẩu thoát. Sau đó, S điều khiển xe chạy đi và dừng trước số 58 BMT, Phường N, Quận T để đợi N. Lúc này, N leo lên cửa rào của căn nhà bên trái để trèo lên tầng 1 nhà số 112/25 BMT, Phường N, Quận T; do cửa phòng tầng 1 nhà này không khóa, nên N mở cửa đột nhập vào bên trong; N lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung và số tiền để trong rổ trên bàn là 319.000 đồng của ông Mai Nguyễn Thanh P4 rồi theo đường cũ tẩu thoát ra ngoài. Sau khi leo xuống đất, N gọi điện cho S rồi đi ra đường BMT gặp S và N nói với S là trộm được chiếc điện thoại di động hiệu Samsung, sau đó S chở N tẩu thoát. Sáng cùng ngày, N đem chiếc điện thoại trộm cắp được bán cho 01 người đàn ông (không rõ lai lịch) tại khu vực đường Thuận Kiêu, Quận 5 được 1.350.000 đồng rồi về nhà gặp và chia cho S số tiền 800.000 đồng, N hưởng số tiền còn lại 869.000 đồng, cả hai tiêu xài cá nhân hết.

Tại Cơ quan điều tra, ông P4 khai nhận bị mất trộm 01 điện thoại di động hiệu Samsung A12, 01 nhẫn vàng 18K và số tiền 10.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 02 giờ 00 phút, ngày 27/5/2022, S điều khiển xe gắn máy Sirius, biển số: 63B3-758.43 (xe của S) chở N đi lòng vòng trên nhiều tuyến đường thuộc

địa bàn Quận 8 để tìm tài sản sơ hở lấy trộm. Khi đến trước nhà số 100/33E PP, Phường MH, Quận T thì N phát hiện cửa sổ nhà này không đóng, nên N nói cho S biết và S dừng xe để N xuống xe rồi S điều khiển xe đến chỗ khác gần đó (cách căn nhà nêu trên một đoạn) để cảnh giới cho N, còn N leo cửa sổ vào căn nhà trên và lén lút lấy trộm một chiếc xe gắn máy Vision, màu đen, biển số: 59L2-154.92 của chị Nguyễn Thị Thanh H1 đang dựng tại phòng khách. Sau đó, N điều khiển chiếc xe vừa lấy trộm chạy về nhà (địa chỉ: Số 77/4 ĐST, xã PK, huyện NB, Thành phố HCM) cất giấu, rồi gọi điện thoại nói cho S biết. Khoảng 20 phút sau, S cũng về đến nhà N, cả hai trao đổi về chiếc xe vừa lấy trộm rồi S đi về nhà S.

Đến sáng cùng ngày, vợ của N là chị Bùi Thị Hồng N1 đọc được bài đăng trên trang Facebook: “Tôi là dân quận 8” về việc người bị mất trộm xe Vision, biển số: 59L2-154.92 đăng tin kèm hình ảnh, video ghi lại hình ảnh của N khi thực hiện hành vi lấy trộm chiếc xe trên. Biết N là người đã lấy trộm chiếc xe, nên chị N1 yêu cầu N trả lại chiếc xe này cho người chủ xe. Do sợ bị phát hiện, nên N đồng ý theo yêu cầu của chị N1. Sau đó, chị N1 đã liên hệ trả lại chiếc xe nêu trên cho chị Nguyễn Thị Thanh H1 tại Bệnh viện đa khoa huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Huỳnh Công N và Trần Thái S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Tuy nhiên, trong vụ trộm cắp tài sản ngày 27/4/2022, tại nhà số 112/25 BMT, Phường N, Quận T thì N chỉ thừa nhận lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Samsung và số tiền 319.000 đồng.

Ngày 22/9/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 8 có kết luận định giá số 241 và 242, xác định trị giá số tài sản bị mất trộm trong 02 vụ trộm cắp tài sản nêu trên như sau:

- Chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12, trị giá 2.790.000 đồng; chiếc nhẫn vàng 18K, crá hột trắng vuông, trị giá 3.400.000 đồng. Tổng trị giá là 6.190.000 đồng.
- Chiếc xe gắn máy hiệu Vision, màu đen, biển số: 59L2-154.92, trị giá là 18.000.000 đồng.

Tài liệu, vật chứng bị thu giữ: 01 xe gắn máy, biển số 63B3-758.43 (thu giữ của Trần Thái S); qua xác minh, chiếc xe thuộc sở hữu của Trần Thái S và S khai nhận dùng chiếc xe làm phương tiện đi lại và thực hiện việc trộm cắp tài sản như trên.

Đối với điện thoại di động của bị cáo N và bị cáo S dùng liên lạc để phạm tội, cũng như chiếc xe mà bị cáo N sử dụng làm phương tiện phạm tội (trong vụ trộm thứ nhất), Cơ quan điều tra Công an Quận 8 không thu hồi được.

Trách nhiệm dân sự:

- Ông Mai Nguyễn Thanh P4 yêu cầu N và S bồi thường số tiền tương đương giá trị tài sản bị mất trộm là 17.000.000 đồng.
- Chị Nguyễn Thị Thanh H1 đã nhận lại chiếc xe gắn máy, biển số 59L2-154.92 và không có yêu cầu bồi thường.

Đối với người đàn ông mua chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12 từ bị cáo N, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch; nên Cơ quan điều tra Công an Quận 8 không có cơ sở để xử lý trong vụ án này.

Đối với chị Bùi Thị Hồng N1, do không có liên quan đến vụ án; nên Cơ quan điều tra Công an Quận 8 không xử lý.

* Bản cáo trạng số 71/CT-VKS-Q8 ngày 03/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo:

Huỳnh Công N, Trần Thái S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt:

1/ Bị cáo Huỳnh Công N với mức án từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

2/ Bị cáo Trần Thái S với mức án từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại H1 không có yêu cầu bồi thường, nên không xem xét giải quyết.

+ Bị hại P4 có yêu cầu bồi thường số tiền 17.000.000 đồng và các bị cáo đồng ý chịu trách nhiệm liên đới bồi thường, mỗi bị cáo là $\frac{1}{2}$, nên các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn cho các bị cáo (do các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và khó thi hành).

- Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu sung công quỹ 01 chiếc xe gắn máy, biển số 63B3-758.43 (vì dùng vào việc phạm tội).

+ Tịch thu và lưu theo hồ sơ vụ án 02 USB (vì có liên quan đến vụ án).

* Các bị cáo: Huỳnh Công N, Trần Thái S thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện và không tranh luận, không bào chữa, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của: Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và bị hại không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi tố tụng và quyết định tố tụng

của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, các quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Huỳnh Công N, Trần Thái S đã khai nhận toàn bộ hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của các bị hại (Mai Nguyễn Thanh P4 và Nguyễn Thị Thanh H1) như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Xét lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng trị giá tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt (theo sự thừa nhận của các bị cáo và qua định giá tài sản) là 21.109.000 đồng (thuộc trường hợp tài sản có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng).

Do đó, đã có đủ cơ sở để kết luận:

Các bị cáo: Huỳnh Công N, Trần Thái S đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tính đồng phạm trong vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và qua xét hỏi tại phiên tòa, có cơ sở xác định hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính đồng phạm giản đơn, không có tính tổ chức; trong đó bị cáo N giữ vai trò chính và bị cáo S với vai trò đồng phạm giúp sức tích cực; nên Hội đồng xét xử cũng cân nhắc về tính chất, mức độ tham gia tội phạm của từng bị cáo theo quy định tại Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định mức hình phạt cho tương xứng và phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: Trong lần phạm tội này của cả 02 bị cáo đều thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên”; đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mà 02 bị cáo cùng phải chịu. Đồng thời, cả 02 bị cáo đều có quá trình nhân thân không tốt (từng bị Tòa án kết tội và là người nghiện ma túy); nên Hội đồng xét xử cũng cần phải lưu ý khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo cho tương xứng và phù hợp.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi (vụ thứ 2). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho từng bị cáo một phần về hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

[6] Bản Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đối với các bị cáo Huỳnh Công N, Trần thái S về tội “Trộm cắp tài sản” và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội; mức án mà Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về ý kiến của các bị cáo Huỳnh Công N, Trần thái S xin giảm nhẹ hình phạt là có cơ sở pháp luật, như phân tích nêu trên của Hội đồng xét xử; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, nhưng xét thấy các bị cáo Huỳnh Công N, Trần thái S đều thuộc thành phần lao động nghèo, có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và khó thi hành; nên Hội đồng xét xử không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại H1 không có yêu cầu và vắng mặt tại phiên tòa; nên không xem xét giải quyết.

- Đối với bị hại P4 có yêu cầu các bị cáo bồi thường tài sản bị mất trộm (không thu hồi được), tổng cộng là 17.000.000 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo Huỳnh Công N, Trần thái S cùng đồng ý bồi thường số tiền nêu trên theo yêu cầu của bị hại P4 và đồng ý mỗi bị cáo bồi thường $\frac{1}{2}$ của số tiền 17.000.000 đồng; nhưng các bị cáo xin được thực hiện bồi thường nhiều lần, sau khi chấp hành án trở về.

Xét, giữa các bị cáo và bị hại đã thống nhất với nhau số tiền các bị cáo phải bồi thường cho bị hại như nêu trên; nhưng hai bên không thống nhất về phương thức, thời gian thực hiện bồi thường.

Theo quy định của pháp luật về nguyên tắc bồi thường thiệt hại thì thiệt hại thực tế phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời, nếu các bên không có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Vì vậy, các bị cáo Huỳnh Công N, Trần thái S phải có trách nhiệm liên đới thực hiện bồi thường một lần số tiền nêu trên cho bị hại P4, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền (mỗi bị cáo là $\frac{1}{2}$ của số tiền 17.000.000 đồng = 8.500.000 đồng).

[10] Về vật chứng liên quan:

- Đối với chiếc xe gắn máy hiệu Vision, màu đen, biển số: 59L2-154.92, bị hại H1 đã được nhận lại là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Đối với các tài sản của bị hại P4, không thu hồi được, nên không có cơ sở để xem xét xử lý.

- Đối với 01 chiếc xe gắn máy, biển số 63B3-758.43 (đã tạm giữ của bị cáo S), đây là tài sản hợp pháp của bị cáo S và đã dùng vào việc phạm tội; hiện có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 02 USB (chứa dữ liệu hình ảnh liên quan đến vụ án), nên cần tịch thu và tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

- Đối với điện thoại di động của bị cáo N và bị cáo S dùng liên lạc phạm tội, cũng như chiếc xe mà bị cáo N sử dụng làm phương tiện phạm tội (trong vụ trộm thứ nhất), Cơ quan điều tra Công an Quận 8 không thu hồi được, nên không có cơ sở để xem xét xử lý.

[11] Đối với chị Bùi Thị Hồng N1, không có liên quan đến vụ án, nên Cơ quan điều tra Công an Quận 8 không xử lý là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[12] Đối với người đàn ông mua chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A12 từ bị cáo N, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch; nên Cơ quan điều tra Công an Quận 8 không có căn để xử lý là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[13] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt:

1/ Bị cáo Huỳnh Công N 02 (hai) năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2022.

2/ Bị cáo Trần Thái S 01 (một) năm 07 (bảy) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2022.

- Về hình phạt bổ sung: Không phạt bổ sung đối với các bị cáo: Huỳnh Công N, Trần Thái S.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Đối với trường hợp của bị hại Nguyễn Thị Thanh H1: Không xem xét giải quyết.

+ Đối với trường hợp của bị hại Mai Nguyễn Thanh P4: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều: 584, 585, 586, 587, 590, 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cùng Luật Thi hành án Dân sự;

Buộc bị cáo Huỳnh Công N và bị cáo Trần Thái S, mỗi bị cáo thực hiện bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại Mai Nguyễn Thanh P4, với số tiền là 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Thi hành việc bồi thường một lần, ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải bồi thường do tài sản bị xâm phạm cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về vật chứng: Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

+ Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc xe gắn máy Sirius, biển số 63B3-758.43, số máy: E3X9E460696, số khung: 3240JY169097.

(Vật chứng theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng lập ngày 29/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

+ Tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án 02 (hai) USB (được Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 8 bảo quản trong 02 (hai) phong bì màu trắng và đánh số bút lục là 197 và 198).

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo: Huỳnh Công N, Trần Thái S; mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, với số tiền là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và mỗi bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, với số tiền là 425.000 đồng (bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PC.53 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- CQĐT CAQ.8;
- CQTHAHS Q.8; NTG CAQ.8;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Trọng Trú